

Hành trình tìm kiếm giác ngộ trong “Cảm xúc khi đọc Phật sự Đại minh lục” của Trần Thánh Tông

ISSN: 2734-9195 14:30 03/12/2024

Bài thơ không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật mà còn là một hành trình tâm linh, nơi tác giả khám phá những khía cạnh sâu xa của nhân sinh. Qua từng câu chữ, Trần Thánh Tông dẫn dắt người đọc vào một không gian đầy triết lý, nơi mà sự sống và cái chết, động và tĩnh, tự do và ràng buộc hòa quyện vào nhau.

Tác giả: **Tôn nữ Thị Tường Vy (Thích nữ Thông Diệu)**
Học viên Cao học Khóa II, chuyên ngành Văn học Phật giáo, Học viện PGVN tại Huế

Mở đầu

Trần Thánh Tông, một trong những vị hoàng đế vĩ đại nhất của triều đại Trần trong lịch sử nước Đại Việt, đã để lại một di sản văn hóa và chính trị sâu sắc trong lòng dân tộc qua hai mươi năm trị vì (1258 - 1278) và mười hai năm tiếp theo trong vai trò thái thượng hoàng (1278 - 1290).

Trong suốt thời kì cầm quyền của mình, ông đã khéo léo lèo lái con thuyền quốc gia vượt qua nhiều thử thách, giữ vững cơ nghiệp của triều Trần và bảo vệ nền độc lập của tổ quốc trong bối cảnh nhiều cuộc xâm lăng và biến động liên tiếp. Với tài năng lãnh đạo xuất chúng, Trần Thánh Tông được ghi nhận không chỉ vì những chiến thắng quân sự mà còn vì những chính sách khôn ngoan nhằm củng cố nền tảng văn hóa và tinh thần dân tộc.

Ngoài vai trò một nhà lãnh đạo, Trần Thánh Tông còn thể hiện mình như một nhân vật trí thức sâu sắc với những đóng góp to lớn cho Phật giáo. Ông không chỉ đơn thuần bảo trợ mà còn nhiệt tình thúc đẩy thực hành tôn giáo và tâm linh trong đời sống của người dân, khẳng định giá trị của văn hóa trong việc xây dựng xã hội. Ông cũng là một thiền sư và đã tu tập tại chùa Tư Phúc ở Thăng Long, nơi mà ông dành nhiều thời gian nghiên cứu và truyền đạt tri thức cũng

như giác ngộ cho những người xung quanh.

Sáng tạo văn chương cũng là một trong những thành tựu nổi bật của Trần Thánh Tông. Ông giống như một giấu cảm thán khẳng định tính cổ điển có sức lay động lòng người của văn học trung đại. Để rồi sau tất cả, ông đã để lại cho đời những tác phẩm thơ ca giàu triết lý, trong đó có bài Cảm xúc khi đọc Phật sự đại minh lục. Đây là một trong số những tác phẩm được ông trước tác sau khi đã đi tu, cụ thể là vào năm 1279. Tác phẩm này không chỉ phản ánh một cuộc hành trình dài để tìm kiếm giác ngộ mà còn thể hiện sự hòa quyện giữa cõi trần và cõi thiên, mà còn tạo nên một dấu ấn sâu đậm trong bức tranh văn hóa của đất nước, khắc họa hình ảnh một vị vua vừa là lãnh đạo tài ba, vừa là thi sĩ yêu mến giáo lý của Phật. Chính từ đó, ông đã để lại những bài học và giá trị sống vượt thời gian cho hậu thế, nhắc nhở chúng ta về sự kết hợp hài hòa giữa lý tưởng lãnh đạo và tâm hồn nghệ thuật, một bài thơ sống động giữa đời thường, vẫn còn vang vọng trong tâm thức dân tộc cho tới muôn đời sau:

讀佛事大明錄有感
四十餘年一片成
牢關跳出萬重局
動如空谷風敲響
靜若寒潭月漏明
句裡五玄親透得
路頭十字任縱橫
有人問我何消息
雲在青天水在瓶

*Độc Phật sự đại minh lục hữu cảm
Tứ thập dư niên nhất phiến thành,
Lao quan khiêu xuất vạn trùng quynh.
Động như không cốc phong xao hưởng,
Tĩnh nhưc hàn đàm nguyệt lậu minh.
Cú lý ngũ huyền thân thấu đắc,
Lộ đầu thập tự nhậm tung hoành.
Hữu nhân vấn ngã hà tiêu tức,
Vân tại thanh thiên thủy tại bình.*

Dịch nghĩa:

*Cảm xúc khi đọc Phật sự đại minh lục
Bốn mươi năm lẻ tu vẹn được một tấm lòng,
Đã nhảy ra khỏi hàng vạn tầng cửa tù ngục.*

*Động thì như tiếng gió vang trong hang trống,
Tĩnh thì tựa ánh trăng lọt xuống đầm lạnh.
Tự mình đã thấu được nghĩa lý của ngũ huyền,
Mặc sức tung hoành trên con đường bốn ngã.
Có người hỏi ta sinh diệt là thế nào?
Như mây trên trời xanh và nước ở trong bình. [10, tr. 409-410.]*

1. Hành trình tu tập

Bài thơ được sáng tác theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, một thể thơ đặc sắc trong văn học cổ điển Việt Nam, với mỗi câu gồm bảy chữ và tổng cộng có tám câu. Thể thơ này không chỉ mang đến âm điệu hài hòa và nhịp nhàng mà còn là một phương tiện lý tưởng để truyền tải những cảm xúc sâu sắc cũng như các triết lý, tư tưởng phong phú. Cấu trúc cân đối và chặt chẽ của thể thơ Đường luật giúp cho mỗi ý tưởng, hình ảnh mà tác giả muốn diễn đạt không chỉ được lưu giữ trọn vẹn mà còn gợi mở ra những trăn trở sâu lắng trong tâm hồn người đọc. Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ tinh tế cùng với những hình ảnh sống động và phong phú, tác giả đã khéo léo gửi gắm vào trong từng câu chữ những **triết lý Phật giáo**.

Câu thơ mở đầu “bốn mươi năm lễ tu vẹn được một tấm lòng” không chỉ đơn thuần là một câu thơ mà còn là một bản tuyên ngôn mạnh mẽ về sự kiên trì và quyết tâm của tác giả trong hành trình tu tập kéo dài suốt bốn thập kỷ. Sự nhấn mạnh vào khoảng thời gian “bốn mươi năm” không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng, mà còn khắc họa sâu sắc sự hy sinh và nỗ lực không ngừng nghỉ của tác giả trong việc tìm kiếm chân lý cao quý để trở thành một bậc tự tại giải thoát. Cụm từ “một tấm lòng” không chỉ đơn thuần biểu thị cho sự thanh tịnh và trong sáng, mà còn là biểu tượng của sự chân thành, kết quả của một quá trình tu tập gian khổ và đầy thử thách khi phải quyết chiến với nội ma, ngoại chướng. Suốt “bốn mươi năm”, tác giả đã trải qua biết bao khó khăn, gian nan và những lúc phải đối mặt với nghi ngờ về bản thân và con đường mình đã chọn để chiến thắng chính mình, chiến thắng cái tôi cố hữu ngàn đời. Và đó cũng chính là lý do vì sao đức Thế Tôn dạy rằng:

*“Dẫu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch
Tự thắng mình tốt hơn
Thật chiến thắng tối thượng” [3, tr. 52.]*

Tuy nhiên, nhờ vào sự kiên trì, nỗ lực và quyết tâm vững vàng, tác giả đã có thể vượt qua tất cả để đạt được “một tấm lòng” thanh khiết. Việc này không chỉ liên

quan đến việc tiếp thu kiến thức, mà còn đạt được sự tinh khiết trong tâm hồn, điều này đặc biệt quan trọng trong triết lý Phật giáo. Tinh khiết trong tâm hồn không chỉ giúp tác giả tự tìm thấy sự bình yên bên trong, mà còn cho phép cá nhân này lan tỏa sự an lạc và trí tuệ đến với những người xung quanh. Điều này đã được đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni giảng dạy trong bài kệ 309 của kinh Pháp Cú:

*“Người lành dù ở xa,
Sáng tỏ như núi tuyết;
Kẻ ác dù ở đây,
Cũng không hề được thấy,
Như tên bắn đêm đen.”* [5, tr. 32.]

Như vậy, câu thơ không chỉ nói lên hành trình cá nhân mà còn thể hiện được một thông điệp sâu sắc về sự tìm kiếm và hòa nhập với thiên nhiên và chân lý của cuộc sống.



2. Giải thoát khỏi ràng buộc

Trong hành trình tìm kiếm giác ngộ, Trần Thánh Tông đã khắc họa một bước ngoặt quan trọng, thể hiện sự vươn ra ngoài những giới hạn của cuộc sống vật chất và tâm lý mà con người thường mắc kẹt. Trong tác phẩm của mình, ông đã viết: “Đã nhảy ra khỏi hàng vạn tầng cửa tù ngục”, phải công nhận đây chính là

một hình ảnh suy tư đầy sức gợi, mở ra một thế giới quan mới rất nhiều tiềm năng. Cụm từ “hàng vạn tầng cửa tù ngục” không chỉ đơn thuần mô tả những bức tường bên ngoài mà còn mang ý nghĩa sâu xa, tượng trưng cho những ràng buộc, đau khổ và sự giới hạn mà mỗi người trong chúng ta phải đối diện trong cuộc sống hàng ngày. Những “cửa tù ngục” này có thể được hiểu rộng hơn là những suy tư nội tâm, những lo âu thường trực, cũng như những chướng ngại tâm lý nặng nề mà con người phải gánh chịu. Vì lẽ ấy mà đức Phật đã dạy: *“Khổ lụy, này các Tỳ-kheo, là các lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chúng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.”* [4, tr. 569.]

Hành động “nhảy ra” mà Trần Thánh Tông miêu tả không chỉ là một sự thoát khỏi không gian vật lý, mà còn là biểu tượng cho sự giải thoát một cách toàn diện khỏi mọi khổ đau, áp lực và giới hạn tâm lý. Vậy nên trong Phật học khái luận ngài Thích Chơn Thiện có nhận định rằng: *“Người tu sĩ và người cư sĩ đều cùng lúc có hai bốn phận chính yếu: một bốn phận đi vào giải thoát và một bốn phận xây dựng hạnh phúc cho đời.”* [9, tr. 507.] Nó thể hiện rằng tác giả đã vượt qua không chỉ những rào cản vật chất mà còn là những chướng ngại cảm xúc, đạt được tự do tinh thần mà rất nhiều người mơ ước. Hình ảnh “nhảy ra” thể hiện một sự chuyển mình mạnh mẽ, mang lại cảm giác về sự tái sinh, cho thấy một con người đã tái tạo chính mình, thoát khỏi những xiềng xích của nỗi sợ hãi và sự không chắc chắn để thân tâm thanh thoi, vắng lặng sáng suốt, trở về lại bản tính thanh tịnh tuyệt đối ở nơi mỗi chúng sinh.

Điều này không chỉ đi xa hơn một cuộc chiến riêng tư; nó truyền tải một thông điệp mạnh mẽ về khả năng vượt lên chính mình, tìm thấy sức mạnh nội tâm và ánh sáng trong những khoảnh khắc tăm tối nhất của cuộc sống. Qua đó, Trần Thánh Tông khẳng định rằng giác ngộ không chỉ là một trạng thái tinh thần mà còn là hành trình mang tính nhân văn, khuyến khích mỗi chúng ta tìm kiếm sự tự do và ánh sáng cho chính mình. Như trong Thiền và phân tâm học khi bàn về Phật giáo tác giả Suzuki đã đưa ra nhận định rằng: *“...mục tiêu chính của nó là giải thoát con người khỏi tất cả lệ thuộc, làm hấn sống động, chỉ cho hấn thấy rằng hấn, chứ không phải ai khác, chịu trách nhiệm cho chính định mệnh hấn?”* [8, tr. 238.] Đúng nghĩa là một cuộc chiến vĩ đại đáng tự hào, để thấy mình vô ngã, cao thượng. Ông đã cho thấy rằng sự phát triển tâm linh không chỉ là một con đường cá nhân mà còn có thể dẫn tới sự kết nối sâu sắc hơn với cộng đồng và với vũ trụ, qua đó khẳng định giá trị và ý nghĩa của mỗi cá nhân trong hành trình kéo dài của sự sống.

3. Sự hòa hợp giữa động và tĩnh

Ngày nay, cuộc cách mạng công nghệ tiên tiến không chỉ đơn thuần là một xu hướng tạm thời mà đã trở thành một phần thiết yếu, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống hàng ngày của con người. Công nghệ hiện đại đã len lỏi vào từng ngóc ngách của xã hội, từ những hành động nhỏ nhất như việc giao tiếp qua các ứng dụng trực tuyến đến những tiến bộ lớn trong y tế và giáo dục. Làn sóng này đã nhanh chóng đáp ứng mọi nhu cầu thiết yếu, mang lại sự thuận tiện, tiện ích và giúp cuộc sống trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt từ thế giới kết nối mà công nghệ đem lại, nhân loại lại phải đối mặt với không ít khủng hoảng phức tạp mà có thể nói đang gia tăng cả về mức độ và quy mô. Sự phân rẽ và xung đột giữa con người, các quốc gia và chủng tộc dường như không có dấu hiệu giảm bớt. Những mâu thuẫn chính trị, kinh tế và xã hội đang diễn ra trên khắp thế giới, với những cuộc chiến tranh và đại dịch trở thành các vấn nạn dai dẳng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định và hòa bình.

Thật đáng tiếc, trong khi con người đã có thể chinh phục mọi thứ trên thế giới vật chất, từ những thành tựu vĩ đại trong khoa học đến những công nghệ tuyệt vời, chúng ta lại dễ dàng đánh mất đi sự thuần khiết trong tâm hồn và những giá trị tinh thần cao đẹp. Cuộc sống mà tưởng chừng như ổn định và an toàn lại trở nên mong manh hơn bao giờ hết khi những lo toan và áp lực từ xã hội hiện đại dồn dập ập đến. Chính vì thế, việc tìm kiếm một trạng thái cân bằng giữa thế giới bên ngoài và nội tâm là cực kỳ cần thiết. Chúng ta cần thiết lập sự hòa hợp giữa động và tĩnh, giữa sự phát triển vật chất và sự an lạc tinh thần, để có thể sống một cuộc đời không chỉ đầy đủ về vật chất mà còn phong phú về tâm hồn.

Trong sự hòa quyện hoàn hảo giữa động và tĩnh, tác giả đã khéo léo truyền tải cảm xúc của mình qua hai câu thơ sâu sắc: “Động thì như tiếng gió vang trong hang trống” và “Tĩnh thì tựa ánh trăng lọt xuống đầm lạnh”. Hai hình ảnh đối lập này không chỉ thể hiện sự cân bằng tinh tế trong tâm hồn mà còn phản ánh một triết lý sống sâu sắc và ý nghĩa. Câu thơ đầu tiên, “tiếng gió vang”, gợi mở về sự sôi động và năng lượng mãnh liệt, là biểu tượng cho dòng chảy không ngừng của cuộc sống và sự hoạt bát của con người. Tiếng gió không chỉ là âm thanh mà còn là dấu hiệu của sự chuyển động, của những khoảnh khắc đầy sức sống và những trải nghiệm không ngừng diễn ra xung quanh ta. Nó mang đến cảm giác rằng mọi thứ đều đang vận động, thay đổi và cuộc sống luôn đầy ắp những cơ hội mới. Ngược lại, câu thơ thứ hai, “ánh trăng”, lại mang đến cảm giác tĩnh lặng, bình yên và triết lý chiêm nghiệm. Ánh trăng rọi xuống đầm lạnh như một lời nhắc nhở về những khoảnh khắc cần tĩnh lặng, suy ngẫm và nhìn nhận bản thân. Trong sự tĩnh lặng ấy, con người có thể tìm thấy sự thanh thản và hiểu biết sâu sắc hơn về chính mình và thế giới xung quanh.

Sự hòa hợp giữa hai trạng thái động và tĩnh này không chỉ đơn thuần là hai thực thể riêng biệt mà còn là hai mặt của một tổng thể thống nhất, bổ sung cho nhau trong chính bản chất cuộc sống. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng việc tìm kiếm sự cân bằng giữa những hoạt động sôi nổi và những giây phút tĩnh lặng suy tư chính là chìa khóa cho một cuộc sống trọn vẹn và ý nghĩa. Đó là cách mà mỗi cá nhân có thể phát triển, vừa tận hưởng sự sống động của cuộc đời, đồng thời cũng không quên dành thời gian để chiêm nghiệm và nuôi dưỡng tâm hồn mình. Như trong kinh Pháp Cú đức Phật đã dạy: *“Tâm ý đi một mình, đi xa, ẩn hang sâu, không hình thể. Thương tổn tâm ý thì thân gần với Pháp, và sự trói buộc của ma vương phải tự giải thể.”* [7, tr. 179.]

4. Thấu hiểu triết lý Phật giáo

Trên hành trình khám phá tâm hồn, chính là cái nơi mà tri thức và giác ngộ hòa quyện vào nhau một cách kỳ diệu, tác giả đã vô cùng tự hào khi khẳng định rằng: *“Tự mình đã thấu được nghĩa lý của ngũ huyền.”* Câu thơ này nào đâu chỉ đơn thuần là một biểu đạt về nhận thức, mà còn thể hiện một quá trình sâu sắc và toàn diện trong việc tiếp nhận triết lý Phật giáo, đặc biệt phải kể đến đó là nguyên lý “ngũ huyền”. Nguyên lý này không chỉ đưa tác giả tới những hiểu biết phong phú về cuộc sống và sự tồn tại mà còn tưới mát tâm hồn ông bằng những tri thức về bản chất của vạn sự vạn vật và những mối quan hệ quá đổi là phức tạp trong cõi Ta Bà uế trược này. Cụ thể, “ngũ huyền” có nghĩa là “năm điều vi diệu trong giáo lý đạo Phật, ... có nhiều nghĩa: hoặc là ngũ chủng tạng..., hoặc là ngũ chủng thông... , ngũ định..., ngũ thức...,” [10, tr. 410.] đó chính là những yếu tố thiết yếu dẫn dắt con người hướng đến sự giác ngộ và việc tự mình nhận thức.

Khi thi nhân đã thấm thấu và được trải nghiệm những kiến thức sâu sắc này, dường như ông cảm nhận được sự chuyển biến mạnh mẽ trong bản thân, nó hết như một sự giải thoát khỏi những ràng buộc cá nhân và xã hội. Ở trong khoảnh khắc tự do tuyệt đối, khi tất cả những vây hãm đã được gỡ bỏ, tác giả không tài nào kìm nén được niềm hân hoan và cuối cùng đã phải thốt lên đầy phấn khởi: *“Mặc sức tung hoành trên con đường bốn ngả.”* Câu thơ này chẳng những đã thể hiện một tuyên ngôn mạnh mẽ về sự tự do mà còn được xem như là một biểu tượng cho khả năng khám phá vô hạn của tâm hồn.

Chính trong những giây phút trọn vẹn ấy, thi sĩ chợt nhận ra rằng trong mình cũng sở hữu cái khả năng tự do du hành giữa muôn ngàn lựa chọn mà không còn chút gì sợ hãi hay do dự trước những thử thách đầy gam go mà cuộc sống đặt ra như trước kia nữa rồi.

Do đó mà tâm hồn nhà thơ giờ đây tràn ngập sự phấn khởi, lòng dũng cảm và cả sự khát khao muốn được trải nghiệm, cho phép ông sống một cách trọn vẹn với mọi điều mà cuộc sống có thể mang lại.

Sự tự do này nào đâu chỉ là một trạng thái tạm thời mà nó còn là cả một sự khám phá sâu xa màu nhiệm về ý nghĩa của cuộc sống, nơi mà con người có thể chấp nhận sự đa dạng của những trải nghiệm mà thế giới mang đến, để rồi từ đó kiến tạo ra những giá trị tinh thần cho bản thân mình nói riêng và cho cộng đồng xung quanh nói chung. Thế mới nói rằng *“giá trị bất hủ của đạo Phật chính là ở chỗ nó vạch ra con đường cụ thể giúp cho mỗi người chúng ta trở thành con người hoàn thiện, con người sống hạnh phúc và tự do, con người mẫu mực về trí tuệ và tình thương rộng lớn”*. [2, tr. 112.]

5. Quan niệm về sinh diệt

Khi cuộc sống đã đặt ra những câu hỏi vô cùng thâm thúy về sự tồn tại, người nghệ sĩ đã khéo léo truyền tải những suy tư của riêng mình qua hai câu thơ đầy ý nghĩa: “Có người hỏi ta sinh diệt là thế nào? Như mây trên trời xanh và nước ở trong bình”. Những hình ảnh rất đối giản dị nhưng cực kì sâu sắc này không chỉ phản ánh sự huyền bí của cuộc sống mà còn mở ra những triết lý sâu xa về sự biến đổi và tính tạm bợ của mọi sự mọi vật trên cõi đời này. Câu hỏi về sinh diệt không đơn giản chỉ là một sự thắc mắc hay tò mò, mà trên hết là nó còn thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến bản chất của cuộc sống.

Tác giả, qua những dòng thơ này, như đang mời gọi người đọc cùng nhau suy ngẫm về những điều cốt lõi của sự tồn tại. Câu trả lời “như mây và nước” mang đến cho chúng ta một cái nhìn rõ nét về sự vô thường và tính chất biến đổi của mọi thứ xung quanh. Mây và nước, với bản chất dễ dàng thay đổi của chúng, như muốn nhấn mạnh rằng suy cho cùng thì cuộc sống này cũng chỉ là một hành trình tạm thời, vừa luôn luôn chuyển động lại vừa không ngừng biến chuyển.

Hình ảnh “mây” gợi lên một cảm giác nhẹ nhàng, tự do nhưng cũng thật mong manh. Mây có thể tan biến ngay trong chốc lát, giống như những khoảnh khắc hạnh phúc hay nỗi buồn xảy ra trong cuộc sống mà chúng ta trải qua từng ngày. Còn “nước” lại mang đến sự linh hoạt và khả năng thích ứng, nhưng cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta về sự trôi chảy và không thể nào nắm giữ được.

Cả hai hình ảnh này có một điểm chung là dùng để nhấn mạnh rằng mọi thứ đều có thể thay đổi chỉ trong một nháy mắt, để rồi từ đó khuyến khích độc giả hãy sống một cách trọn vẹn trong từng khoảnh khắc. Chính vì vậy mà chúng ta cần có sự nhận thức rằng: *“... thật tướng của chúng sinh và của các pháp vốn*

không sinh, không diệt, khi có, khi không, chẳng có cái thể tính bền vững. Như chúng sinh chỉ là tứ đại, ngũ uẩn giả hiệp mà thôi. Còn các pháp chỉ là những nhân duyên kết cấu mà thôi.” [6, tr. 58.]

Tác giả không chỉ dừng lại ở việc mô tả sự biến đổi, mà còn khơi dậy trong chúng ta những suy ngẫm về cách mà chúng ta đối diện với những thay đổi này. Điều quan trọng là liệu rằng chúng ta có sẵn lòng để chấp nhận sự tạm bợ của cuộc sống, hay chúng ta sẽ cố gắng để tìm cách níu giữ những gì không thể giữ? Do đó mà khi trình bày về bản chất của Phật pháp, tác giả Thích Hạnh Bình trong Phật giáo Việt Nam - suy tư và nhận định có ghi rằng:

...Các pháp tức chỉ những pháp thuộc vật chất và ngay cả những quan điểm tư tưởng cũng đều do duyên khởi mà thành, bản chất của chúng là vô thường; cái gì vô thường chuyển biến, cái ấy không thể gọi là ngã hay cái thuộc về ngã sở. Nếu chúng ta điên đảo cố chấp cho chúng là thường hằng... nhưng chúng không theo ý mình thì khổ sinh. [1, tr. 143.]

Chính vì lẽ ấy mà những câu thơ này như một tiếng chuông cảnh tỉnh, rằng trong thế giới đầy biến động này thì việc chấp nhận sự vô thường có thể giúp chúng ta khôi phục nội lực tĩnh thức, tìm thấy sự bình yên trong tâm hồn. Qua đó, tác giả khéo léo gợi nhắc chúng ta về sự cần thiết phải trân trọng từng khoảnh khắc, bởi vì mọi thứ đều có thể thay đổi chỉ trong giây lát. Sự sống, cùng với tất cả những thăng trầm vốn có của nó, chính là một hành trình quý giá mà mỗi người chúng ta đều đã và đang trải nghiệm. Vậy nên, hãy để những dòng thơ này trở thành kim chỉ nam dẫn lối, giúp chúng ta mở ra thông lộ cho mọi bế tắc, sống thật ý nghĩa và trọn vẹn hơn trong từng giây phút của cuộc đời.

Thật vậy, hình ảnh “mây trên trời xanh” và “nước trong bình” là hai biểu tượng đối lập nhưng lại mang ý nghĩa sâu sắc về sự vô thường của cuộc sống. “Mây trên trời xanh” tượng trưng cho sự tự do, nhẹ nhàng nhưng cũng rất dễ tan biến theo thời gian.

Trong khi đó, “nước trong bình” lại thể hiện sự ổn định, nhưng cũng có thể bị thay đổi bởi những tác động bên ngoài.

Thông qua hai hình ảnh này, nhà thơ như muốn nhấn mạnh rằng mọi sự vật đều mang trong mình sự vô thường biến hoại. Cuộc sống này vốn dĩ chưa bao giờ đứng yên một chỗ, mà luôn thay đổi và phát triển theo dòng thời gian. Điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải biết chấp nhận và học cách thích nghi với những thay đổi đó. Việc chấp nhận sự vô thường là bước đầu tiên trong hành trình tìm kiếm giác ngộ. Khi chúng ta nhận ra rằng mọi thứ đều có thể thay đổi và không có gì

là vĩnh cửu, chúng ta sẽ thoát khỏi mọi sự trói buộc, đặc biệt là thoát khỏi sự kìm hãm bởi cái tôi và cái của tôi, vốn tạo nên bao sóng gió cuộc đời. Tuy nhiên, việc chấp nhận sự vô thường không có nghĩa là chúng ta buông xuôi và không cố gắng để tạo ra những thay đổi tích cực. Ngược lại, nó giúp chúng ta có cái nhìn thực tế hơn về cuộc sống và biết cách tận dụng tối đa những cơ hội mà nó mang lại. Vì vậy, hãy học cách chấp nhận sự vô thường của cuộc sống và tìm kiếm giác ngộ thông qua việc trân trọng từng khoảnh khắc hiện tại. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể đạt được những lợi ích thiết thực trong cuộc sống, cũng như trên lộ trình tu tập giải thoát tâm linh.

Kết luận

Gấp lại trang thơ trong Cảm xúc khi đọc **Phật sự đại minh lục của Trần Thánh Tông**, nhưng những cảm xúc và triết lý về hành trình tìm kiếm giác ngộ vẫn vang vọng trong tâm hồn người đọc. Những dòng thơ, với hình ảnh sinh động và những suy tư sâu sắc về cuộc sống, sự sinh diệt, cùng với sự tự do tâm hồn, đã khắc ghi một dấu ấn mạnh mẽ, khiến mỗi chúng ta phải suy ngẫm về con đường riêng mà mình đang đi.

Bài thơ không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật mà còn là một hành trình tâm linh, nơi tác giả khám phá những khía cạnh sâu xa của nhân sinh. Qua từng câu chữ, Trần Thánh Tông dẫn dắt người đọc vào một không gian đầy triết lý, nơi mà sự sống và cái chết, động và tĩnh, tự do và ràng buộc hòa quyện vào nhau. Những hình ảnh “như mây trời hay nước trong bình” không chỉ đơn thuần là biểu tượng mà còn là những bài học về sự tạm bợ và tính chất vô thường của cuộc sống. Từ đó, nó khơi dậy trong chúng ta những câu hỏi lớn về ý nghĩa tồn tại, về mục đích sống và về con đường mà mỗi người phải tự tìm ra cho chính mình.

Hành trình tìm kiếm giác ngộ không chỉ là của riêng tác giả mà còn là của mỗi người trong chúng ta. Đó là một hành trình không ngừng nghỉ, đầy thử thách và gian nan, nhưng cũng tràn đầy hy vọng và ánh sáng. Nó khơi dậy niềm tin vào khả năng vượt qua mọi rào cản để đạt được sự giải thoát và an lạc. Qua đó, bài thơ nhắc nhở rằng trong cuộc sống đầy thử thách, chúng ta đều có thể tìm thấy ánh sáng của giác ngộ nếu kiên trì và dũng cảm trên con đường riêng của mình.

Chúng ta không chỉ đơn thuần là những người đọc, mà còn là những người hành trình cùng tác giả, cùng nhau tìm kiếm sự thật và ý nghĩa sâu xa của cuộc sống. Mỗi trải nghiệm, mỗi cảm xúc đều trở thành những viên gạch xây dựng cho con đường giác ngộ của chính mình. Chính những trải nghiệm và cảm xúc này sẽ là động lực để mỗi người vươn lên, đấu tranh cho những điều tốt đẹp và tìm kiếm

hạnh phúc đích thực trong cuộc sống. Như vậy, Cảm xúc khi đọc Phật sự đại minh lục không chỉ là một tác phẩm thơ mà còn là một nguồn cảm hứng mạnh mẽ, thúc giục chúng ta hãy sống trọn vẹn, hãy dũng cảm đối diện với những thử thách và không ngừng khám phá bản thân trong hành trình tìm kiếm giác ngộ.

Tác giả: **Tôn nữ Thị Tường Vy (Thích nữ Thông Diệu)**

Học viên Cao học Khóa II, chuyên ngành Văn học Phật giáo, Học viện PGVN tại Huế

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Hạnh Bình (2018), Phật giáo Việt Nam - suy tư và nhận định, Nxb Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.
2. Thích Minh Châu (1992), Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
3. Thích Minh Châu (dịch) (1999), Kinh Tiểu Bộ tập 1, Nxb TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
4. Thích Minh Châu (dịch) (2013), Kinh Tương Ưng Bộ tập 1, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội.
5. Thích Minh Châu (2002), Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội.
6. Đoàn Trung Còn (2013), Đạo lý nhà Phật, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội.
7. Thích Trí Quang (2012), Tổng tập Pháp Cú Bắc tông, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
8. Suzuki (Như Hạnh dịch) (2011), Thiền và phân tâm học, Nxb Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
9. Thích Chơn Thiện (2018), Phật học khái luận, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
10. Viện văn học (1989), Thơ văn Lý - Trần II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.